**ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU**

**LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA**

**LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ**

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**

Luật Sở hữu trí tuệ được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua năm 2005 (Luật số 50/2005/QH11) có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2006, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Luật số 36/2009/QH12) và năm 2019 (Luật số 42/2019/QH14) (sau đây gọi là “Luật Sở hữu trí tuệ”) là văn bản pháp luật quan trọng, điều chỉnh các quan hệ xã hội liên quan đến loại tài sản đặc biệt - tài sản trí tuệ.

Qua thực tiễn 16 năm thi hành, Luật Sở hữu trí tuệ đã phát huy vai trò to lớn trong việc tạo hành lang pháp lý cho hoạt động sáng tạo, xác lập, khai thác, sử dụng và thụ hưởng các đối tượng của quyền tác giả, quyền liên quan (QTG, QLQ) như tác phẩm, cuộc biểu diễn, v.v., tạo ra, xác lập, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp (SHCN), quyền đối với giống cây trồng và tạo môi trường kinh doanh lành mạnh cho hoạt động sản xuất, kinh doanh; góp phần khuyến khích hoạt động sáng tạo; đẩy mạnh chuyển giao công nghệ, thu hút đầu tư nước ngoài qua đó thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Bên cạnh đó, Luật Sở hữu trí tuệ còn là nền tảng đưa hệ thống bảo hộ sở hữu trí tuệ (SHTT) của Việt Nam đạt chuẩn mực theo Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền SHTT (TRIPS) của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), cũng như đáp ứng các nghĩa vụ theo cam kết trong các hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam tham gia.

Gần đây, Đảng ta đã ban hành nhiều văn bản thể hiện quan điểm, chủ trương mới về các vấn đề liên quan đến SHTT cần phải được thể chế hóa; đồng thời thực tiễn thi hành cùng với việc hội nhập quốc tế sâu rộng của Việt Nam trong thời gian qua cho thấy Luật Sở hữu trí tuệ cần phải được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung để đáp ứng các yêu cầu đặt ra. Cụ thể như sau:

**1. Thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng**

Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã đề ra một trong những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện thể chế về sở hữu, phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp là "*hoàn thiện thể chế về SHTT theo hướng khuyến khích sáng tạo, bảo đảm tính minh bạch và độ tin cậy cao; quyền SHTT được bảo vệ và thực thi hiệu quả"*.

Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cũng đã xác định rõ “*hoàn thiện pháp luật về SHTT, bảo hộ và khai thác hiệu quả, hợp lý các tài sản trí tuệ do Việt Nam tạo ra; khuyến khích thương mại hóa và chuyển giao quyền SHTT, đặc biệt là đối với các sáng chế tại Việt Nam trên cơ sở tuân thủ pháp luật trong nước và bảo đảm lợi ích an ninh quốc gia. Khuyến khích các công ty đa quốc gia đặt các cơ sở nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam*”.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ là phải “*hoàn thiện hệ thống pháp luật, nhất là pháp luật về bảo hộ SHTT*”. Ngoài ra, việc “*tăng cường công tác bảo hộ và thực thi quyền SHTT*” cũng được đặt ra trong nhiệm vụ chung về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nằm trong Chiến lược của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030.

**2. Giải quyết các bất cập trong thực tiễn thi hành Luật Sở hữu trí tuệ**

***a) Lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan***

- Một số nội dung quy định về QTG, QLQ; quyền tác giả đối với tác phẩm điện ảnh, tác phẩm sân khấu, chương trình máy tính; quyền của người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng vẫn còn nội dung chưa được quy định cụ thể, gây khó khăn trong quá trình thực hiện;

- Một số nội dung quy định về thủ tục đăng ký QTG, QLQ còn chưa phù hợp với tình hình mới về việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến, chưa quy định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục đăng ký QTG, QLQ trong các trường hợp đăng ký cho tổ chức, cá nhân cụ thể;

- Một số nội dung quy định về việc bảo đảm hài hòa lợi ích giữa chủ thể QTG, QLQ với tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng và công chúng hưởng thụ trong các trường hợp giới hạn và ngoại lệ QTG, QLQ chưa đáp ứng yêu cầu thúc đẩy khai thác sử dụng, làm nền tảng phát triển các ngành công nghiệp văn hoá dựa trên QTG, QLQ. Do vướng mắc từ Luật Giá, cụ thể là Điều 19 của Luật Giá về hoạt động điều tiết giá của Nhà nước chưa điều chỉnh đối với trường hợp này, vì vậy, Chính phủ không quy định được biểu mức tiền nhuận bút, thù lao áp dụng đối với việc khai thác, sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình không sử dụng nguồn kinh phí thuộc ngân sách nhà nước hoặc Nhà nước không phải là chủ sở hữu quyền trong các trường hợp sử dụng không phải xin phép nhưng phải trả tiền nhuận bút, thù lao quy định tại Điều 26 và Điều 33 Luật Sở hữu trí tuệ. Từ những vướng mắc trên thực tiễn, dẫn đến hậu quả là gây ách tắc, cản trở hoạt động đưa tác phẩm, đối tượng quyền liên quan đến công chúng, đặc biệt ở những thị trường rộng lớn về phát thanh, truyền hình, xuất bản, biểu diễn, trên website, mạng xã hội trực tuyến hoặc pháp luật không được tuân thủ nghiêm minh. Bên cạnh đó, cơ quan tòa án, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác khi xét xử, giải quyết tranh chấp, vi phạm không có căn cứ để phán quyết;

- Luật hiện hành chưa quy định rõ quyền hạn và trách nhiệm của tổ chức đại diện tập thể QTG, QLQ nhằm bảo đảm tính minh bạch, hiệu quả và trách nhiệm cao của các tổ chức này theo thông lệ quốc tế;

- Quy định về hành vi xâm phạm QTG, QLQ và thực thi trên môi trường số còn chưa đồng bộ, nhất quán, cơ chế phối hợp chưa cụ thể và chưa theo kịp được việc sử dụng tiến bộ của khoa học và công nghệ (KH&CN) vào thực hiện hành vi xâm phạm QTG, QLQ.

***b) Lĩnh vực quyền sở hữu công nghiệp***

- Các quy định pháp luật liên quan đến quyền đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí được tạo ra trên cơ sở Nhà nước đầu tư kinh phí chưa tạo được động lực thực sự cho việc tạo ra, khai thác và thương mại hóa các đối tượng này;

- Một số quy định pháp luật liên quan đến thủ tục xác lập quyền chưa thực sự rõ ràng và hợp lý như quy định về tiếp nhận và xử lý ý kiến của người thứ ba đối với đơn đăng ký xác lập quyền SHCN, yêu cầu đối với hồ sơ đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp, phạm vi kiểm soát an ninh đối với sáng chế, v.v.; còn thiếu một số quy định cần thiết cho các vấn đề đặc thù như trì hoãn công bố đơn kiểu dáng công nghiệp, giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực SHCN, v.v.;

- Một số quy định pháp luật liên quan đến điều kiện và mức độ bảo hộ các đối tượng SHTT chưa bảo đảm sự thỏa đáng và cân bằng giữa quyền của chủ sở hữu và quyền lợi của công chúng như: phạm vi tình trạng kỹ thuật để đánh giá tính mới của sáng chế; thiếu một số căn cứ hủy bỏ hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế/Bằng độc quyền giải pháp hữu ích; chưa có quy định về trường hợp chuyển giao quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc để xuất khẩu; quy định giải quyết xung đột quyền giữa nhãn hiệu với một số đối tượng khác; phạm vi xem xét, đánh giá nhãn hiệu nổi tiếng chưa rõ ràng; thiếu quy định xử lý trường hợp nhãn hiệu đăng ký không trung thực/với dụng ý xấu và xử lý đối với nhãn hiệu mất chức năng phân biệt (trở thành tên gọi chung của hàng hóa, dịch vụ tương ứng); quy định về phạm vi của hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến tên miền, về bảo hộ chỉ dẫn địa lý đồng âm chưa rõ ràng, v.v.;

- Quy định về đại diện SHCN và giám định SHCN chưa hoàn toàn phù hợp với Luật Doanh nghiệp cũng như thực tiễn hành nghề;

- Các quy định pháp luật liên quan đến phạm vi áp dụng biện pháp xử phạt hành chính còn rộng, tạo ra gánh nặng không cần thiết cho ngân sách nhà nước khi biện pháp hành chính bị lạm dụng và không phù hợp với bản chất dân sự của quyền SHTT.

***c) Lĩnh vực quyền đối với giống cây trồng***

- Việc quy định đặt tên giống có điểm chưa cụ thể, gây khó khăn cho quá trình thẩm định tên đối với giống cây trồng;

- Các quy định về quyền tạm thời đối với giống cây trồng; hành vi xâm phạm quyền đối với giống cây trồng chưa bao quát hết các tình huống có thể xảy ra; quyền giữ giống của nông dân chưa có quy định thỏa đáng nhằm hài hòa giữa lợi ích của chủ sở hữu và nông dân;

- Một số nội dung chưa giao Chính phủ quy định chi tiết; quy định về tính mới đối với giống cây trồng chưa hài hòa với Công ước quốc tế về bảo hộ giống cây trồng mới và Luật của Việt Nam.

**3. Thi hành các cam kết về SHTT theo các điều ước quốc tế**

Cùng với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam đã tham gia đàm phán và ký kết nhiều FTA như FTA Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA, hiệu lực từ 20/12/2015); FTA giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á-Âu (VN-EAEU FTA, hiệu lực từ 05/10/2016), các FTA thế hệ mới như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP, có hiệu lực với Việt Nam từ ngày 14/01/2019), FTA giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA, có hiệu lực từ ngày 01/8/2020), FTA giữa Việt Nam và Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (UKVFTA, có hiệu lực từ ngày 01/5/2021).

Ngày 12/11/2018, Quốc hội đã phê chuẩn CPTPP và các văn kiện liên quan tại Nghị quyết số 72/2018/QH14. Theo Mục 2 Phụ lục 3 Nghị quyết số 72/2018/QH14, Luật Sở hữu trí tuệ phải được sửa đổi, bổ sung để thực hiện một số nghĩa vụ về SHTT trong CPTPP. Trong số này, một số nghĩa vụ phải thực hiện ngay từ khi CPTPP có hiệu lực và một số nghĩa vụ có thời gian chuyển tiếp là 03 hoặc 05 năm. Các nghĩa vụ phải thực hiện ngay khi CPTPP có hiệu lực đã được nội luật hóa tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ (Luật số 42/2019/QH14 ngày 14/6/2019). Đối với những nghĩa vụ có thời gian chuyển tiếp là 03 năm như bảo hộ nhãn hiệu âm thanh, bảo đảm thông tin và thời gian cho chủ bằng sáng chế thực thi quyền trước khi sản phẩm được phép đưa ra thị trường, thẩm quyền chủ động tiến hành các thủ tục kiểm soát biên giới của cơ quan hải quan, Việt Nam sẽ bắt đầu phải thi hành các nghĩa vụ này từ ngày 14/01/2022. Đối với nghĩa vụ về bảo hộ độc quyền dữ liệu thử nghiệm nông hóa phẩm có thời gian chuyển tiếp là 05 năm, Việt Nam sẽ thi hành từ 14/01/2024.

Ngày 08/6/2020, Quốc hội đã phê chuẩn EVFTA với Liên minh châu Âu theo Nghị quyết số 102/2020/QH14 và bắt đầu có hiệu lực với Việt Nam từ ngày 01/8/2020. Vì vậy, một số quy định liên quan đến việc bỏ quy định văn bằng bảo hộ ghi nhận các tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý; làm rõ nguyên tắc bảo hộ kiểu dáng công nghiệp của sản phẩm là bộ phận của sản phẩm hoàn chỉnh; cơ chế đền bù cho việc giảm thời hạn bảo hộ hữu hiệu của bằng sáng chế do sự chậm trễ bất hợp lý trong việc cấp phép lưu hành thị trường, v.v. cũng cần được bổ sung vào Luật Sở hữu trí tuệ.

Để thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về hoàn thiện thể chế về SHTT; bảo đảm phù hợp với các văn bản trong hệ thống pháp luật, đặc biệt là các quy định của Bộ luật dân sự và các văn bản pháp luật chuyên ngành; nhằm khắc phục những tồn tại, bất cập đặt ra trong quá trình thi hành Luật Sở hữu trí tuệ; nhằm bảo đảm thực hiện các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, tham gia hoặc đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục để tham gia, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ trên cơ sở phát huy ưu điểm và khắc phục các hạn chế của Luật Sở hữu trí tuệ hiện hành.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO**

**1. Mục đích**

Việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ nhằm thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về việc hoàn thiện pháp luật về SHTT; khắc phục những vướng mắc, bất cập trong 16 năm thi hành cũng như những bất cập nảy sinh giữa các quy định của Luật Sở hữu trí tuệ với các văn bản quy phạm pháp luật được Quốc hội ban hành gần đây; nội luật hóa các cam kết để phù hợp với thông lệ quốc tế; từ đó hoàn thiện thể chế về SHTT theo hướng khuyến khích sáng tạo, bảo đảm tính ổn định, thống nhất, đồng bộ, minh bạch, khả thi, quyền SHTT được bảo vệ và thực thi hiệu quả, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về SHTT, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước.

**2. Quan điểm chỉ đạo**

- Thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về việc hoàn thiện pháp luật về SHTT; kế thừa giá trị của các văn bản pháp luật đã được ban hành; bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các chủ thể gồm người sáng tạo, bên sử dụng, công chúng thụ hưởng; bảo đảm sự cân bằng giữa lợi ích quốc gia và sự tương thích với các điều ước quốc tế có nội dung về SHTT mà Việt Nam là thành viên.

- Bảo đảm quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong sáng tạo văn học, nghệ thuật, KH&CN, tiếp cận các giá trị văn hóa, nghệ thuật, khoa học và thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động đó; khuyến khích tổ chức, cá nhân sáng tạo, đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, ứng dụng có hiệu quả thành tựu trong các lĩnh vực; bảo hộ quyền SHTT theo quy định tại Hiến pháp và các văn bản quy phạm pháp luật.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG LUẬT**

Ngày 10/6/2020, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 106/2020/QH14 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2021, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2020, trong đó, dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XV (điểm b khoản 3 Điều 2).

Ngày 11/7/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 999/QĐ-TTg về phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật, dự thảo Nghị quyết được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2020, các dự án luật thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2021và giao Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì soạn thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ, trình Chính phủ vào tháng 6/2021.

Ngày 14/8/2020, Bộ trưởng Khoa học và Công nghệ đã thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ (Quyết định số 2211/QĐ-BKHCN), phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng hồ sơ dự án Luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Hồ sơ dự án Luật đã được gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để lấy ý kiến nhân dân. Các ý kiến đóng góp đã được Ban soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Luật.

Ngày 31/3/2021, Bộ Khoa học và Công nghệ gửi Bộ Tư pháp thẩm định Hồ sơ dự án Luật. Trên cơ sở Báo cáo thẩm định dự án Luật của Bộ Tư pháp (Báo cáo số 46/BCTĐ-BTP ngày 04/5/2021), Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp và trình Chính phủ.

Ngày 29/6/2021, Chính phủ tổ chức phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật để lấy ý kiến các Thành viên Chính phủ về dự án Luật. Ngày 01/7/2021, Chính phủ đã có Nghị quyết số 66/NQ-CP về Phiên họp chuyên đề xây dựng pháp luật tháng 6/2021, theo đó giao Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan chỉnh lý, tiếp thu ý kiến của các Thành viên Chính phủ, hoàn thiện dự án Luật để trình Quốc hội vào Kỳ họp thứ hai, Quốc hội khóa XV.

**IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT**

**Ngày 16/6, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ được Quốc hội biểu quyết thông qua với 476/477 đại biểu tham gia biểu quyết tán thành (chiếm 95,58% tổng số đại biểu Quốc hội).** Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2023, trừ quy định về bảo hộ nhãn hiệu là dấu hiệu âm thanh có hiệu lực thi hành từ ngày 14/1/2022, trong khi quy định về bảo hộ dữ liệu thử nghiệm dùng cho nông hóa phẩm có hiệu lực thi hành từ ngày 14/1/2024.

**1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

***a) Phạm vi điều chỉnh***

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ gồm có 04 điều gồm:

- Điều 1. Sửa đổi, bổ sung 102 điều của Luật Sở hữu trí tuệ (trong đó sửa đổi, bổ sung 88 điều hiện hành, bổ sung 14 điều mới) và bãi bỏ 02điều.

- Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật khác có liên quan  
Cụ thể: sửa đổi Luật Hải quan năm 2014 *(tên Mục 8 Chương III, khoản 2  
Điều 73)*; Luật Khoa học và công nghệ năm 2013 *(Điều 41, Điều 43)*; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 *(khoản 4 Điều 105)*; Luật Giá năm 2012 *(Điều 19, Điều 22)*.

- Điều 3. Hiệu lực thi hành.

- Điều 4. Quy định chuyển tiếp.

***b) Đối tượng áp dụng***

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại Luật này và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên (Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ).

**2. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của cá nhân, tổ chức thuộc phạm vi đối  
tượng áp dụng**

Tổ chức, cá nhân là chủ thể quyền SHTT được Nhà nước công nhận và bảo  
hộ quyền trên cơ sở bảo đảm hài hòa lợi ích của chủ thể quyền SHTT với lợi ích  
công cộng (Điều 8 Luật SHTT).

Tổ chức, cá nhân có quyền áp dụng các biện pháp mà pháp luật cho phép  
để tự bảo vệ quyền SHTT của mình và có trách nhiệm tôn trọng quyền sở hữu trí  
tuệ của tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Luật SHTT và các quy định  
khác của pháp luật có liên quan (Điều 9 Luật SHTT).

Tổ chức, cá nhân là chủ thể quyền SHTT chỉ được thực hiện quyền của  
mình trong phạm vi và thời hạn bảo hộ theo quy định của Luật SHTT. Việc thực  
hiện quyền SHTT không được xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công  
cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác và không được vi  
phạm các quy định khác của pháp luật có liên quan (Điều 7 Luật SHTT).

**3. Những nội dung chính sách, quy định mới; những quy định được  
sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ**

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022 có phạm vi khá rộng, với hơn 100 điều được sửa đổi, bổ sung. Luật đã nhận được sự quan tâm, đóng góp ý kiến của các đại biểu Quốc hội về rất nhiều nội dung, trong đó nội dung liên quan đến việc giao quyền đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước được quan tâm nhiều nhất.

Nội dung này được sửa đổi theo hướng quy định rõ ràng và chi tiết hơn, với việc trao quyền đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng được tạo ra từ ngân sách nhà nước một cách tự động và không bồi hoàn cho tổ chức chủ trì trực tiếp tại Luật, qua đó nhằm mục đích khuyến khích biến các kết quả nghiên cứu thành các tài sản được bảo hộ quyền SHTT, tạo tiền đề để khai thác thương mại đối với các tài sản này trên thị trường được hiệu quả hơn.

***a) Tổng quan***

Nội dung sửa đổi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ tập trung vào 7 nhóm chính sách lớn, bao gồm:

- Chính sách 1:Đảm bảo quy định rõ về tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả,  
người biểu diễn, chủ sở hữu quyền liên quan trong các trường hợp chuyển  
nhượng, chuyển giao quyền tác giả (QTG), quyền liên quan (QLQ).

- Chính sách 2:Khuyến khích tạo ra, khai thác và phổ biến sáng chế, kiểu  
dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng được tạo ra từ nhiệm vụ  
KH&CN sử dụng ngân sách Nhà nước.

- Chính sách 3:Tạo thuận lợi cho quá trình thực hiện thủ tục đăng ký  
QTG, QLQ, thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp (SHCN).

- Chính sách 4:Đảm bảo mức độ bảo hộ thỏa đáng và cân bằng trong bảo  
hộ quyền SHTT.

- Chính sách 5:Tăng cường hiệu quả hoạt động hỗ trợ về SHTT.

- Chính sách 6:Nâng cao hiệu quả của hoạt động bảo vệ quyền SHTT.

- Chính sách 7: Bảo đảm thi hành đầy đủ và nghiêm túc các cam kết quốc  
tế của Việt Nam về bảo hộ SHTT trong quá trình hội nhập.

Đây là những nhóm chính sách, nội dung cơ bản nhất cần lưu ý trong quá  
trình triển khai, thực hiện.

***b) Nội dung sửa đổi cụ thể***

**Chính sách 1:Đảm bảo quy định rõ về tác giả, chủ sở hữu QTG, người  
biểu diễn, chủ sở hữu QLQ trong các trường hợp chuyển nhượng, chuyển giao QTG, QLQ, cụ thể:**

- Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 4 (Giải thích từ ngữ): Sửa đổi  
các từ ngữ “tác phẩm phái sinh”, “tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã công bố”,  
“sao chép”, “phát sóng"; bổ sung các từ ngữ “tiền bản quyền”, “biện pháp công  
nghệ bảo vệ quyền”, “biện pháp công nghệ hữu hiệu”, “thông tin quản lý quyền”  
và “truyền đạt đến công chúng”;

- Bổ sung Điều 12a (Tác giả, đồng tác giả): Luật hóa quy định về tác giả,  
đồng tác giả, trường hợp không phải là tác giả, đồng tác giả; bổ sung quy định  
về thực hiện quyền nhân thân và quyền tài sản đối với tác phẩm có đồng tác giả;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 19 (Quyền nhân thân): Sửa đổi quy định về quyền  
bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm không cho người khác xuyên tạc; không cho  
người khác sửa đổi, cắt xén tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại  
đến danh dự và uy tín của tác giả; bổ sung quy định tác giả có quyền chuyển  
quyền sử dụng quyền đặt tên tác phẩm cho tổ chức, cá nhân nhận chuyển giao  
quyền tài sản đối với tác phẩm đó;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 20 (Quyền tài sản): Làm rõ nội dung các quyền  
làm tác phẩm phái sinh, quyền biểu diễn, quyền sao chép, quyền phân phối,  
nhập khẩu để phân phối, quyền phát sóng, truyền đạt đến công chúng, quyền cho  
thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính; bổ sung  
quy định về các trường hợp mà chủ sở hữu QTG không có quyền ngăn cấm tổ  
chức, cá nhân khác thực hiện;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 21 (QTG đối với tác phẩm điện ảnh, tác phẩm sân  
khấu): Quy định rõ từng nhóm người tham gia sáng tạo được hưởng các quyền  
tương ứng với sự đóng góp của họ trong việc sáng tạo tác phẩm điện ảnh, tác  
phẩm sân khấu; luật hóa quy định về thỏa thuận việc đặt tên, sửa chữa tác phẩm;  
bổ sung quy định về QTG trong trường hợp kịch bản, tác phẩm văn học, tác  
phẩm âm nhạc trong tác phẩm điện ảnh, tác phẩm sân khấu được sử dụng độc  
lập;

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 22 (QTG đối với chương trình máy tính,  
sưu tập dữ liệu): Đáp ứng sự phát triển công nghệ hiện nay, mở rộng phạm vi  
"chương trình máy tính" đối với thiết bị được vận hành bằng ngôn ngữ lập trình  
có khả năng làm cho máy tính hoặc thiết bị thực hiện được công việc hoặc đạt  
được kết quả cụ thể; Luật hóa quy định về thỏa thuận bằng văn bản về việc sửa  
chữa, nâng cấp chương trình máy tính và quy định về trường hợp, điều kiện để  
tổ chức, cá nhân có thể làm một bản sao dự phòng chương trình máy tính;  
- Sửa đổi, bổ sung Điều 29 (Quyền của người biểu diễn): Tương tự Điều  
19, 20, sửa đổi quy định người biểu diễn có các quyền nhân thân và quyền tài  
sản đối với cuộc biểu diễn; sửa đổi quy định về quyền bảo vệ sự toàn vẹn của  
hình tượng biểu diễn không cho người khác xuyên tạc, không cho người khác  
sửa đổi, cắt xén tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự  
và uy tín của người biểu diễn; làm rõ nội dung các quyền tài sản bao gồm quyền  
sao chép, quyền phát sóng, truyền đạt đến công chúng, quyền phân phối, nhập  
khẩu để phân phối, quyền cho thuê thương mại; bổ sung quy định về các trường  
hợp mà chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn không có quyền ngăn cấm tổ  
chức, cá nhân khác thực hiện;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 30 (Quyền của nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình):  
Tương tự Điều 20, làm rõ nội dung các quyền của nhà sản xuất bản ghi âm, ghi  
hình bao gồm quyền sao chép, quyền phân phối, nhập khẩu để phân phối, quyền  
cho thuê thương mại, quyền phát sóng, truyền đạt đến công chúng; bổ sung quy  
định về các trường hợp mà chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình  
không có quyền ngăn cấm tổ chức, cá nhân khác thực hiện;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 31 (Quyền của tổ chức phát sóng): Tương tự Điều  
20, làm rõ nội dung các quyền của tổ chức phát sóng bao gồm quyền sao chép,  
quyền phân phối, nhập khẩu để phân phối; bổ sung quy định về các trường hợp

mà chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng không có quyền ngăn cấm  
tổ chức, cá nhân khác thực hiện;

- Chỉnh lý kỹ thuật Điều 36 (Chủ sở hữu QTG);

- Sửa đổi, bổ sung Điều 41 (Chủ sở hữu QTG là người được chuyển giao  
quyền): Luật hóa quy định về tác phẩm khuyết danh, các quyền và nghĩa vụ liên  
quan đến tác phẩm khuyết danh khi danh tính của tác giả, đồng tác giả được xác  
định;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 42 (bao gồm cả sửa đổi tên Điều 42 thành “Chủ sở hữu QTG, QLQ là Nhà nước”): Luật hóa, quy định rõ các trường hợp Nhà nước là chủ sở hữu QTG, QLQ; bổ sung quy định trường hợp Nhà nước đại diện quản lý QTG, QLQ; bổ sung quy định về chủ thể đại diện Nhà nước thực hiện quyền của chủ sở hữu QTG;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 43 (bao gồm cả sửa đổi tên Điều 43 thành “Tác  
phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng thuộc về  
công chúng”): Bổ sung quy định rõ các trường hợp cuộc biểu diễn, bản ghi âm,  
ghi hình, chương trình phát sóng thuộc về công chúng;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 44 (Chủ sở hữu QLQ): Bổ sung quy định các  
trường hợp chủ sở hữu QLQ là tổ chức giao nhiệm vụ cho tổ chức, cá nhân  
thuộc tổ chức mình, giao kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân khác, được thừa kế  
quyền liên quan, được chuyển giao một, một số hoặc toàn bộ các quyền theo  
thoả thuận trong hợp đồng để tương thích với các quy định về chủ sở hữu QTG;

- Bổ sung Điều 44a (Nguyên tắc xác định và phân chia tiền bản quyền).Bổ  
sung quy định trường hợp các đồng chủ sở hữu quyền thỏa thuận về tỷ lệ phân  
chia tiền bản quyền, trường hợp phân chia tiền bản quyền cho chủ sở hữu QTG,  
người biểu diễn, chủ sở hữu QLQ đối với bản ghi âm, ghi hình, quy định các căn  
cứ xác định tiền bản quyền;

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 47 (Quy định chung về chuyển quyền sử dụng QTG, QLQ): Sửa đổi quy định về có thể chuyển quyền sử dụng quyền nhân thân quy định tại khoản 1 Điều 19.

**Chính sách 2:Khuyến khích tạo ra, khai thác và phổ biến sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng được tạo ra từ nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách Nhà nước (NSNN), cụ thể:**

Chính sách này được thể hiện trong các nội dung sửa đổi, bổ sung của các  
điều 86a, 133a, 135, 136a, khoản 6 Điều 139, 164, 191, 191a, 191b, khoản 4  
Điều 194, cụ thể:

- Bổ sung Điều 86a (Quyền đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là kết quả của nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN): Quy định trao  
  
quyền đăng ký tự động và không bồi hoàn cho tổ chức chủ trì đối với kết quả  
được tạo ra từ nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN;

- Bổ sung Điều 133a (Quyền của Nhà nước đối với sáng chế, kiểu dáng  
công nghiệp, thiết kế bố trí là kết quả của nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN): Thông báo công khai trong thời hạn 90 ngày để giao quyền đăng ký nếu tổ chức  
chủ trì không thực hiện nghĩa vụ thông báo, không có nhu cầu đăng ký hoặc  
không nộp đơn đăng ký trong thời gian quy định; công khai trên cổng thông tin  
điện tử nếu không giao được quyền đăng ký; cho phép tổ chức, cá nhân khác sử  
dụng mà không cần sự đồng ý của tổ chức chủ trì trong một số trường hợp nhất  
định v.v.;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 135 (Nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí): Làm rõ nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả trong trường hợp sáng chế/kiểu dáng công nghiệp/thiết kế bố trí là kết quả của nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN;

- Bổ sung Điều 136a (Nghĩa vụ của tổ chức chủ trì đối với sáng chế, kiểu  
dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là kết quả của nhiệm vụ KH&CN sử dụng  
NSNN): Thông báo về đối tượng SHTT được tạo ra; đăng ký xác lập quyền  
trong vòng 6 tháng kể từ ngày thông báo; trả thù lao cho tác giả; phân chia lợi  
nhuận sau thuế thu được từ việc sử dụng, chuyển giao quyền sử dụng, chuyển  
nhượng quyền, góp vốn bằng sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là  
kết quả của nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN;

- Bổ sung khoản 6 Điều 139 (Các điều kiện hạn chế việc chuyển nhượng  
quyền sở hữu công nghiệp): Chỉ được chuyển nhượng quyền đối với sáng  
chế/kiểu dáng công nghiệp/thiết kế bố trí là kết quả của nhiệm vụ KH&CN sử  
dụng NSNN cho tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam, cá nhân là  
công dân Việt Nam và thường trú tại Việt Nam;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 164 (Đăng ký quyền đối với giống cây trồng): Quy định trao quyền đăng ký tự động và không bồi hoàn cho tổ chức chủ trì đối với giống cây trồng được chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển từ nhiệm vụ  
KH&CN sử dụng NSNN;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 191 (Nghĩa vụ của chủ Bằng bảo hộ giống cây  
trồng): Làm rõ nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả giống cây trồng bao gồm cả  
trường hợp giống cây trồng được chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển từ nhiệm  
vụ KH&CN sử dụng NSNN;

- Bổ sung Điều 191a (Nghĩa vụ của tổ chức chủ trì đối với giống cây trồng được chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển là kết quả của nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN): Nộp đơn đăng ký quyền đối với giống cây trồng trong thời hạn mười hai tháng kể từ ngày nhiệm vụ KH&CN được nghiệm thu; trả thù lao cho tác giả giống cây trồng; chia lợi nhuận sau thuế thu được từ việc sử dụng,chuyển giao quyền sử dụng, chuyển nhượng quyền, góp vốn bằng bảo hộ giống cây trồng được chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển là kết quả của nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN;

- Bổ sung Điều 191b (Quyền của nhà nước đối với giống cây trồng được  
chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển là kết quả của nhiệm vụ KH&CN sử dụng  
NSNN): Thông báo công khai trong thời hạn 90 ngày để giao quyền đăng ký nếu  
tổ chức chủ trì không thực hiện nghĩa vụ thông báo hoặc không có nhu cầu đăng  
ký; công khai trên cổng thông tin điện tử nếu không giao được quyền đăng ký;  
các trường hợp tổ chức, cá nhân khác sử dụng mà không cần sự đồng ý của tổ  
chức chủ trì;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 194 (Chuyển nhượng quyền đối với giống cây  
trồng): Chỉ được chuyển nhượng quyền đối với đối với giống cây trồng được  
chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển là kết quả của nhiệm vụ KH&CN sử dụng  
NSNN cho tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam, cá nhân là công dân  
Việt Nam và thường trú tại Việt Nam.

**Chính sách 3:Tạo thuận lợi cho quá trình thực hiện thủ tục đăng ký QTG, QLQ, thủ tục xác lập quyền SHCN, cụ thể:**

- Sửa đổi, bổ sung Điều 49 (Đăng ký QTG, đăng ký QLQ): Thay cụm từ  
“đơn và hồ sơ kèm theo (sau đây gọi chung là đơn)” và cụm từ “đơn” bằng cụm  
từ “hồ sơ”; bổ sung quy định chung về phí, lệ phí khi tiến hành các thủ tục đăng  
ký QTG, đăng ký QLQ và giao Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện, trình tự  
và thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký QTG, Giấy chứng nhận đăng ký QLQ;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 50 (Hồ sơ đăng ký QTG, đăng ký QLQ): Bổ sung  
hình thức nộp hồ sơ trực tuyến; bổ sung thông tin về thời gian hoàn thành, chủ  
sở hữu QTG, thông tin về cấp lại, cấp đổi (nếu có) trong tờ khai, tờ khai do  
chính tác giả, chủ sở hữu QTG, chủ sở hữu QLQ ký tên hoặc điểm chỉ, trừ  
trường hợp không có khả năng về thể chất để ký tên hoặc điểm chỉ;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 52 (Thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký QTG,  
Giấy chứng nhận đăng ký QLQ): Bổ sung quy định trường hợp từ chối cấp phải  
thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 55 (Cấp lại, cấp đổi, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng  
nhận đăng ký QTG, Giấy chứng nhận đăng ký QLQ): Luật hóa quy định về thời  
hạn cấp lại là 7 ngày và cấp đổi là 12 ngày; bổ sung quy định trường hợp từ chối  
cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận; luật hóa, quy định rõ về trường hợp ra quyết  
định hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký QTG, Giấy chứng nhận đăng ký  
QLQ;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 103 (Yêu cầu đối với đơn đăng ký kiểu dáng công  
nghiệp): Đơn giản hóa tài liệu xác định kiểu dáng công nghiệp, theo đó chỉ gồm  
bộ ảnh chụp, bản vẽ (thể hiện đầy đủ kiểu dáng công nghiệp) và bản mô tả về  
kiểu dáng công nghiệp được thể hiện trong bộ ảnh chụp, bản vẽ;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 112 (Ý kiến của người thứ ba về việc cấp văn bằng bảo hộ): Bổ sung quy định nhằm xác định ý kiến người thứ 3 là nguồn thông tin tham khảo trong quá trình xử lý đơn;

- Bổ sung Điều 112a (Phản đối đơn đăng ký sở hữu công nghiệp): Bổ sung quy định người thứ ba có ý kiến phản đối phải nộp kèm chứng cứ chứng minh; phải nộp phí, lệ phí; chỉ được phản đối trong thời hạn xác định;

- Bổ sung Điều 119a (Khiếu nại và giải quyết khiếu nại liên quan đến các  
thủ tục về SHCN): Bổ sung quy định một số đặc thù về khiếu nại trong lĩnh vực  
SHCN (người có quyền khiếu nại; đối tượng; nộp khiếu nại qua đại diện; phải  
nộp phí nếu thẩm định lại; thời hạn giải quyết khiếu nại không bao gồm thời  
gian thẩm định lại và sửa đổi, bổ sung hồ sơ khiếu nại).

**Chính sách 4: Đảm bảo mức độ bảo hộ thỏa đáng và cân bằng trong bảo hộ quyền SHTT, cụ thể:**

- Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 4 (Giải thích từ ngữ): Sửa đổi  
khái niệm “nhãn hiệu nổi tiếng”; bổ sung khái niệm “chỉ dẫn địa lý đồng âm”,  
“sáng chế mật”;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7 (Giới hạn quyền sở hữu trí tuệ): Bổ sung quy  
định về thực hiện quyền SHTT liên quan đến Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 8 (Chính sách của Nhà nước về sở hữu trí tuệ):  
Làm rõ chính sách của Nhà nước là sẽ hỗ trợ về tài chính, ưu đãi về thuế, tín  
dụng và đầu tư để khuyến khích, thúc đẩy hoạt động đổi mới, sáng tạo, khai thác  
tài sản trí tuệ;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 25 (bao gồm cả sửa đổi tên Điều 25 thành “Các  
trường hợp ngoại lệ không xâm phạm QTG”): Sửa đổi, bổ sung một số quy định  
về sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền bản  
quyền trong các hoạt động nghiên cứu khoa học, học tập, giảng dạy, thông tin  
báo chí, hoạt động công vụ, trong thư viện v.v.;

- Bổ sung Điều 25a (Các trường hợp ngoại lệ không xâm phạm QTG dành  
cho người cho người khuyết tật): Chuẩn bị cho việc Việt Nam gia nhập Hiệp  
ước Marrakesh về tạo điều kiện cho người khiếm thị, người khuyết tật về thị  
giác và người khuyết tật khác không có khả năng đọc tiếp cận với các tác phẩm  
đã công bố, bổ sung quy định ngoại lệ QTG đối với người khuyết tật, người nuôi  
dưỡng, chăm sóc cho người khuyết tật, tổ chức đáp ứng điều kiện theo quy định

của Chính phủ được thực hiện sao chép, phân phối, biểu diễn, truyền đạt tác  
phẩm xuyên biên giới dưới định dạng bản sao dễ tiếp cận;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 26 (bao gồm cả sửa đổi tên Điều 26 thành “Giới  
hạn QTG”): Chuyển quy định hiện hành về việc sử dụng tác phẩm được định  
hình trên bản ghi âm, ghi hình đã công bố nhằm mục đích thương mại trong hoạt  
động kinh doanh, thương mại tại khoản 2 Điều 33 về điểm b khoản 1 Điều 22;  
bổ sung trường hợp hưởng ưu đãi đối với quyền dịch, sao chép tác phẩm theo  
Phụ lục Công ước Berne; bổ sung trường hợp khai thác, sử dụng tác phẩm  
không thể tìm được hoặc không xác định được chủ sở hữu quyền;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 32 (bao gồm cả sửa đổi tên Điều 32 thành “Các  
trường hợp ngoại lệ không xâm phạm QLQ”): Tương tự Điều 25, sửa đổi, bổ  
sung một số quy định về sử dụng cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương  
trình phát sóng đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền bản quyền  
trong các hoạt động giảng dạy, đưa tin thời sự, v.v. không nhằm mục đích  
thương mại;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 33 (bao gồm cả sửa đổi tên Điều 33 thành “Giới  
hạn quyền liên quan”): Tương tự Điều 26, chuyển quy định hiện hành về việc sử  
dụng tác phẩm được định hình trên bản ghi âm, ghi hình đã công bố nhằm mục  
đích thương mại trong hoạt động kinh doanh, thương mại tại khoản 2 Điều 33 về  
điểm b khoản 1 Điều 26; bổ sung trường hợp khai thác, sử dụng bản ghi âm, ghi  
hình không thể tìm được hoặc không xác định được chủ sở hữu quyền;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 60 (Tính mới của sáng chế): Bổ sung quy định về  
việc sử dụng đơn đăng ký sáng chế có ngày nộp đơn sớm hơn nhưng được công  
bố vào hoặc sau ngày nộp đơn của đơn đăng ký sáng chế nộp sau làm tài liệu đối  
chứng để đánh giá tính mới của đơn đăng ký sáng chế nộp sau;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 73 (Dấu hiệu không được bảo hộ với danh nghĩa  
nhãn hiệu): Bổ sung quy định về việc không bảo hộ làm nhãn hiệu các dấu hiệu  
3 chiều là hình dạng vốn có của hàng hóa hoặc do đặc tính kỹ thuật của hàng  
hóa bắt buộc phải có; dấu hiệu chứa bản sao tác phẩm, trừ trường hợp được phép  
của chủ sở hữu tác phẩm đó;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 74 (Khả năng phân biệt của nhãn hiệu): Làm rõ  
thời điểm lấy đối chứng là tại thời điểm nộp đơn; làm rõ các dấu hiệu 3 chiều,  
các dấu hiệu là tên giống cây trồng đã hoặc đang được bảo hộ, dấu hiệu trùng  
hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với tên gọi, hình ảnh của nhân vật, hình  
tượng trong tác phẩm thuộc phạm vi bảo hộ QTG của người khác đã được biết  
đến một cách rộng rãi trước ngày nộp đơn sẽ bị coi là không có khả năng phân  
biệt; bổ sung quy định xử lý tình huống nhãn hiệu được lấy ra làm đối chứng  
đang có hiệu lực hoặc đã chấm dứt hiệu lực nhưng chưa quá 3 năm thì cho phép  
người nộp đơn đề nghị tạm dừng xử lý đơn để yêu cầu chấm dứt hoặc hủy bỏ  
các nhãn hiệu đối chứng này;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 75 (Tiêu chí đánh giá nhãn hiệu nổi tiếng): Sửa đổi  
câu mũ để làm rõ việc sử dụng linh hoạt các tiêu chí đánh giá nhãn hiệu nổi  
tiếng;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 79 (Điều kiện chung đối với chỉ dẫn địa lý được  
bảo hộ): Bổ sung điều kiện bảo hộ chỉ dẫn địa lý đồng âm tại khoản 2;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 88 (Quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý): Bổ sung quy  
định về quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý của nước ngoài;

- Bổ sung Điều 89a (Kiểm soát an ninh đối với sáng chế trước khi nộp đơn  
đăng ký ở nước ngoài): Bổ sung quy định đối với các sáng chế thuộc các lĩnh  
vực kỹ thuật có tác động đến an ninh, quốc phòng được tạo ra tại Việt Nam và  
thuộc quyền đăng ký của cá nhân là công dân Việt Nam và thường trú tại Việt  
Nam hoặc của tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam, chỉ được nộp  
đơn đăng ký sáng chế ở nước ngoài nếu đã được nộp đơn đăng ký sáng chế tại  
Việt Nam;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 92 (Văn bằng bảo hộ): Bỏ quy định ghi nhận tổ  
chức, cá nhân có quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý trong văn bằng bảo hộ;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 95 (Chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ): Bổ sung  
quy định làm rõ thời điểm chấm dứt hiệu lực của văn bằng bảo hộ trong từng  
trường hợp;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 96 (Hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ): Bổ sung 01  
căn cứ hủy bỏ hiệu lực đối với nhãn hiệu, 06 căn cứ hủy bỏ hiệu lực đối với sáng  
chế;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 97 (Sửa đổi văn bằng bảo hộ): Bổ sung quy định về  
người có quyền yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ và thông tin được phép thay  
đổi, sửa chữa thiếu sót trong văn bằng bảo hộ;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 100 (Yêu cầu chung đối với đơn đăng ký sở hữu  
công nghiệp): Bổ sung yêu cầu nộp tài liệu thuyết minh về nguồn gen/tri thức  
truyền thống liên quan nguồn gen nếu sáng chế được trực tiếp tạo ra dựa trên  
nguồn gen đó;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 106 (Yêu cầu đối với đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý):  
Bổ sung quy định về yêu cầu đối với đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý đồng âm;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 109 (Thẩm định hình thức đơn đăng ký SHCN):  
Bổ sung trường hợp từ chối trong giai đoạn thẩm định hình thức nếu đơn nộp  
trái quy định về kiểm soát an ninh đối với sáng chế;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 110: Sửa đổi tên điều thành “Công khai đơn đăng  
ký nhãn hiệu, công bố đơn đăng ký sở hữu công nghiệp”; bổ sung quy định về  
trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về SHCN trong việc công khai đơn  
đăng ký nhãn hiệu ngay sau khi tiếp nhận;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 114 (Thẩm định nội dung đơn đăng ký SHCN): Bổ  
sung quy định cơ quan quản lý nhà nước về quyền SHCN có thể sử dụng kết quả  
thẩm định nội dung đơn đăng ký sáng chế trùng với sáng chế được yêu cầu bảo  
hộ do cơ quan sáng chế nước ngoài thực hiện trong quá trình đánh giá khả năng  
bảo hộ;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 117 (Từ chối cấp văn bằng bảo hộ): Bổ sung 01  
căn cứ từ chối cấp đối với nhãn hiệu, 06 căn cứ từ chối cấp đối với sáng chế  
(tương tự như 06 căn cứ hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ đối với sáng chế mới  
bổ sung); bổ sung quy định tạm dừng quy trình thẩm định đơn đơn khi: (i) người  
nộp đơn nộp yêu cầu chấm dứt hiệu lực hoặc hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận  
đăng ký nhãn hiệu theo trường hợp loại trừ được quy định tại điểm e và điểm h  
khoản 2 Điều 74, hoặc (ii) nhận được bản sao thông báo thụ lý vụ án của Tòa án  
có thẩm quyền về việc người thứ ba khởi kiện;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 118 (Cấp văn bằng bảo hộ, đăng bạ): Bổ sung quy  
định về việc ra thông báo kết quả thẩm định nội dung, trong đó nêu rõ dự định  
cấp văn bằng bảo hộ đối với toàn bộ hoặc phần đáp ứng điều kiện bảo hộ (thay  
vì dự định từ chối cấp văn bằng bảo hộ trước đây) và ấn định thời hạn để người  
nộp đơn nộp phí, lệ phí hoặc có ý kiến phản đối về kết quả thẩm định nội dung;  
- Sửa đổi, bổ sung Điều 123 (Quyền của chủ sở hữu đối tượng SHCN): Sửa  
đổi, làm rõ quy định tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng, tổ chức được  
trao quyền quản lý chỉ dẫn địa lý có quyền ngăn cấm người khác sử dụng chỉ  
dẫn địa lý đó;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 157 (Tổ chức, cá nhân được bảo hộ quyền đối với  
giống cây trồng): Làm rõ các tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài được bảo  
hộ quyền đối với giống cây trồng;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 163 (Tên của giống cây trồng): Bổ sung quy định  
nếu tên giống cây trồng không phù hợp, cơ quan quản lý nhà nước về quyền đối  
với giống cây trồng từ chối tên đó và yêu cầu người đăng ký đề xuất tên khác  
trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày ban hành thông báo. Cơ quan quản lý  
nhà nước về quyền đối với giống cây trồng ghi nhận tên chính thức của giống  
cây trồng từ thời điểm cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng.

**Chính sách 5:Tăng cường hiệu quả hoạt động hỗ trợ về SHTT, cụ thể:**

- Sửa đổi, bổ sung Điều 56 (Tổ chức đại diện tập thể QTG, QLQ): Quy  
định làm rõ nguyên tắc tổ chức, hoạt động, quyền và nghĩa vụ của tổ chức đại  
diện tập thể QTG, QLQ theo thông lệ quốc tế như xây dựng các danh mục tác  
phẩm, tác giả v.v., xây dựng biểu mức và phương thức thanh toán tiền bản  
quyền, việc thu, phân chia tiền bản quyền, hoạt động báo cáo, hợp tác quốc tế,  
thiết lập cơ cấu tổ chức, v.v.; luật hóa quy định trường hợp thỏa thuận để một tổ  
chức thay mặt đàm phán cấp phép sử dụng, thu và phân chia tiền bản quyền; bổ  
sung quy định trường hợp không tìm thấy hoặc không liên lạc được với tác giả,  
chủ sở hữu quyền đã ủy quyền để phân chia tiền bản quyền sau thời gian tìm  
kiếm theo quy định;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 153 (Trách nhiệm của đại diện SHCN): Bỏ trách  
nhiệm thông báo các khoản và mức phí dịch vụ, chỉ cần thông báo khoản phí, lệ  
phí theo quy định của Nhà nước;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 154 (Điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện  
SHCN): Sửa đổi quy định cho phép doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức hành  
nghề luật sư (trừ tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài), tổ chức dịch vụ  
KH&CN được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật chỉ cần có ít  
nhất 01 cá nhân có Chứng chỉ hành nghề (không cần phải là người đứng đầu  
hoặc được người đứng đầu ủy quyền như pháp luật hiện hành);  
- Sửa đổi, bổ sung Điều 155 (Điều kiện hành nghề dịch vụ đại diện SHCN):  
Phân loại lĩnh vực và điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện SHCN  
thành lĩnh vực 1 (bao gồm nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, cạnh tranh  
không lành mạnh, bí mật kinh doanh) và lĩnh vực 2 (bao gồm sáng chế, kiểu  
dáng công nghiệp, thiết kế bố trí) với các điều kiện khác nhau, đồng thời bổ  
sung quy định về việc công dân Việt Nam là luật sư được phép hành nghề theo  
quy định của Luật Luật sư năm 2006 và thường trú tại Việt Nam thì được cấp  
Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện SHCN trong lĩnh vực 1 nếu đã tốt nghiệp  
khóa đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp được cơ quan có thẩm quyền công  
nhận (không yêu cầu phải qua kỳ kiểm tra nghiệp vụ);

- Sửa đổi, bổ sung Điều 156 (Ghi nhận, xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện  
SHCN, thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện SHCN): Bổ sung quy định  
về việc thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện SHCN đối với cá nhân  
nếu không đáp ứng điều kiện hành nghề tại Điều 155;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 165 (Đại diện quyền đối với giống cây trồng): Sửa  
đổi quy định cho phép doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức hành nghề luật sư (trừ  
tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài), tổ chức dịch vụ KH&CN được thành lập  
và hoạt động theo quy định của pháp luật chỉ cần có ít nhất 01 cá nhân có Chứng  
chỉ hành nghề (không cần phải là người đứng đầu hoặc được người đứng đầu ủy

quyền như pháp luật hiện hành); làm rõ trách nhiệm của tổ chức dịch vụ đại diện  
quyền đối với giống cây trồng;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 201 (Giám định về SHTT): Bổ sung lời văn để làm  
rõ sự phân định giữa giám định tư pháp về SHTT (theo pháp luật về giám định  
tư pháp) và giám định SHTT; sửa đổi quy định về điều kiện hoạt động giám  
định là chỉ cần có ít nhất 01 cá nhân có Thẻ giám định viên (không cần phải là  
người đứng đầu hoặc được người đứng đầu ủy quyền); bổ sung nguyên tắc thực  
hiện giám định và giá trị pháp lý của kết luận giám định.

**Chính sách 6:Nâng cao hiệu quả của hoạt động bảo vệ quyền SHTT, cụ thể:**

- Sửa đổi, bổ sung Điều 28 (Hành vi xâm phạm QTG): Sửa đổi, bổ sung  
quy định hành vi xâm phạm theo các quyền quy định tại các Điều 19, 20, 25, 26  
của Luật này và các hành vi xâm phạm khác liên quan tới biện pháp công nghệ  
bảo vệ quyền, thông tin quản lý quyền, trách nhiệm của các doanh nghiệp cung  
cấp dịch vụ trung gian;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 35 (Hành vi xâm phạm QLQ): Tương tự Điều 28,  
sửa đổi, bổ sung quy định hành vi xâm phạm theo các QLQ quy định tại các  
Điều 29, 30, 31, 32, 33 của Luật này và các hành vi xâm phạm khác liên quan  
đến biện pháp công nghệ bảo vệ quyền, thông tin quản lý quyền thông tin quản  
lý quyền, trách nhiệm của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian;

- Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 198 (Quyền tự bảo vệ): Bổ sung quy định nội dung liên quan đến biện pháp công nghệ bảo vệ quyền và  
thông tin quản lý quyền, yêu cầu gỡ và xóa bỏ nội dung vi phạm trên môi trường  
mạng viễn thông và mạng Internet; luật hóa quy định về ủy quyền áp dụng các  
biện pháp tự bảo vệ; bổ sung quy định quyền yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm  
quyền nhân thân của tổ chức, cá nhân được thừa kế QTG, quyền của người biểu  
diễn;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 212 (Hành vi xâm phạm quyền SHTT bị xử lý hình sự): Bổ sung quy định pháp nhân thương mại cũng có thể bị xử lý hình sự để phù hợp với Bộ luật Hình sự;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 213 (Hàng hóa giả mạo về SHTT): Sửa đổi, bổ  
sung khái niệm hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, giả mạo chỉ dẫn địa lý;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 214 (Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả): Xóa bỏ các quy định để dẫn chiếu về pháp luật  
xử lý vi phạm hành chính, chỉ giữ lại biện pháp khắc phục hậu quả đặc thù trong  
lĩnh vực SHTT (phân phối không nhằm mục đích thương mại);

- Bãi bỏ Điều 215 (Các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt hành  
chính) do các biện pháp này đã được quy định trong pháp luật về xử phạt vi  
phạm hành chính.

**Chính sách 7:Bảo đảm thi hành đầy đủ và nghiêm túc các cam kết quốc tế của Việt Nam về bảo hộ SHTT trong quá trình hội nhập, cụ thể:**

- Sửa đổi, bổ sung Điều 4 (Giải thích từ ngữ): Sửa đổi khái niệm “kiểu dáng công nghiệp” để phù hợp với cam kết tại Điều 12.35 Hiệp định EVFTA;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 72 (Điều kiện chung đối với nhãn hiệu được bảo  
hộ): Bổ sung quy định cho phép bảo hộ dấu hiệu âm thanh làm nhãn hiệu nếu  
thể hiện được dưới dạng đồ họa để phù hợp với cam kết tại Điều 18.18 Hiệp  
định CPTPP;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 73 (Dấu hiệu không được bảo hộ với danh nghĩa  
nhãn hiệu): bổ sung các dấu hiệu âm thanh không được bảo hộ làm nhãn hiệu  
bao gồm quốc ca, quốc tế ca để phù hợp với cam kết tại Điều 18.18 Hiệp định  
CPTPP;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 105 (Yêu cầu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu): Bổ  
sung quy định mẫu nhãn hiệu âm thanh là tệp âm thanh và bản thể hiện dưới  
dạng đồ họa của âm thanh để phù hợp với cam kết tại Điều 18.18 Hiệp định  
CPTPP;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 93 (Hiệu lực văn bằng bảo hộ): Bổ sung quy định  
về thời điểm hiệu lực của đăng ký quốc tế nhãn hiệu theo Hệ thống Madrid,  
đăng ký quốc tế kiểu dáng công nghiệp theo Thỏa ước La Hay;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 95 (Chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ): Bổ sung  
02 căn cứ chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu (làm cho người tiêu dùng hiểu sai lệch về  
bản chất, chất lượng hoặc nguồn gốc địa lý của hàng hóa hoặc dịch vụ; trở thành  
tên gọi thông thường của hàng hoá, dịch vụ), 01 căn cứ chấm dứt hiệu lực chỉ  
dẫn địa lý (không còn được bảo hộ tại nước xuất xứ) để phù hợp với cam kết tại  
Điều 12.22, 12.27 Hiệp định EVFTA;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 110 (Công khai đơn đăng ký nhãn hiệu, công bố  
đơn đăng ký sở hữu công nghiệp): Bổ sung quy định cho phép người nộp đơn  
yêu cầu trì hoãn công bố đơn kiểu dáng công nghiệp để phù hợp với Thỏa ước  
La Hay;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 121 (Chủ sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp):  
Bổ sung quy định xác định chủ sở hữu kiểu dáng công nghiệp là tổ chức, cá  
nhân có kiểu dáng công nghiệp đăng ký quốc tế được công nhận để phù hợp với  
Thỏa ước La Hay;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 124 (Sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp): Sửa  
đổi, bổ sung quy định tại khoản 5 về việc sử dụng nhãn hiệu bao gồm cả các  
hành vi “bán, trưng bày để bán, vận chuyển” để phù hợp với cam kết tại Điều  
18.77.2 Hiệp định CPTPP;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 128 (Nghĩa vụ bảo hộ dữ liệu thử nghiệm): Bổ  
sung khoản 3 quy định liên quan đến nghĩa vụ bảo đảm cơ hội cho chủ sở hữu  
thực thi quyền đối với sáng chế để phù hợp với cam kết tại Điều 18.53 Hiệp định  
CPTPP; bổ sung khoản 4 quy định bảo hộ dữ liệu thử nghiệm nông hóa phẩm  
với thời hạn bảo hộ độc quyền 10 năm tính từ ngày người nộp đơn được cấp  
phép để phù hợp với cam kết tại Điều 18.47 Hiệp định CPTPP;

- Bổ sung Điều 131a (Đền bù cho chủ sở hữu sáng chế vì sự chậm trễ trong việc cấp phép lưu hành dược phẩm): Bổ sung quy định chủ bằng độc quyền sáng chế sẽ không phải nộp phí sử dụng văn bằng bảo hộ cho khoảng thời gian bị chậm nếu nộp văn bản xác nhận của cơ quan cấp phép lưu hành dược phẩm về việc thủ tục cấp phép dược phẩm đã bị chậm để phù hợp với cam kết tại Điều 12.41 Hiệp định EVFTA;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 145 (Căn cứ bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng  
sáng chế): Bổ sung quy định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế để  
xuất khẩu để phù hợp với quy định của Nghị định thư sửa đổi Hiệp định TRIPS;  
- Sửa đổi, bổ sung Điều 146 (Điều kiện hạn chế quyền sử dụng sáng chế  
được chuyển giao theo quyết định bắt buộc): Bổ sung quy định người được  
chuyển giao quyền sử dụng không phải trả khoản tiền đền bù đối sáng chế được  
chuyển giao theo quyết định bắt buộc để nhập khẩu dược phẩm nếu khoản tiền  
này đã được trả tại nước xuất khẩu để phù hợp với quy định của Nghị định thư  
sửa đổi Hiệp định TRIPS;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 158 (Điều kiện chung đối với giống cây trồng được bảo hộ): Bỏ quy định giống cây trồng được bảo hộ phải thuộc Danh mục loài cây trồng được Nhà nước bảo hộ do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành để phù hợp với quy định của Công ước UPOV;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 163 (Tên của giống cây trồng): Sửa đổi, bổ sung  
quy định về tên của giống cây trồng không được coi là phù hợp nếu gây hiểu  
nhầm về giá trị của giống đó để phù hợp với quy định của Công ước UPOV;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 176 (Thẩm định hình thức đơn đăng ký bảo hộ:  
Xóa bỏ quy định đơn bị coi là không hợp lệ nếu giống cây trồng nêu trong đơn  
không thuộc loài cây trồng có tên trong Danh mục loài cây trồng được bảo hộ để  
phù hợp với quy định của Công ước UPOV;

- Bổ sung Điều 198a (Giả định về QTG, QLQ): quy định rõ trường hợp được coi là chủ thể quyền đối với tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi  
hình, tổ chức phát sóng; luật hóa quy định làm rõ về nêu tên theo cách thông  
thường để phù hợp với cam kết tại Điều 18.72 Hiệp định CPTPP và Điều 12.54  
Hiệp định EVFTA;

- Bổ sung Điều 198b (Trách nhiệm pháp lý về QTG, QLQ đối với doanh  
nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian): Bổ sung quy định giải thích về doanh  
nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian, quy định rõ các trường hợp miễn trừ trách  
nhiệm pháp lý đối với hành vi xâm phạm QTG, QLQ; quy định trách nhiệm của  
doanh nghiệp này trong thực thi các biện pháp bảo vệ QTG, QLQ để phù hợp  
với cam kết tại Điều 12.55 Hiệp định EVFTA;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 216 (Biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất khẩu,  
nhập khẩu liên quan đến SHTT): Bổ sung quy định cơ quan hải quan chủ động  
tạm dừng làm thủ tục hải quan nếu trong quá trình thực hiện kiểm tra, giám sát  
và kiểm soát phát hiện căn cứ rõ ràng để nghi ngờ hàng hóa xuất khẩu, nhập  
khẩu là hàng giả mạo về SHTT để phù hợp với cam kết tại Điều 18.76.5 Hiệp  
định CPTPP;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 218 (Thủ tục áp dụng biện phạm tạm dừng làm thủ tục hải quan): Bổ sung trách nhiệm của cơ quan hải quan nếu chủ động tạm  
dừng làm thủ tục hải quan để phù hợp với cam kết tại Điều 18.76.5 Hiệp định  
CPTPP.

**V.** **CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THỰC HỆN LUẬT (KINH PHÍ, NHÂN LỰC, CƠ SỞ VẬT CHẤT)**

Sau khi Luật được Quốc hội thông qua, một số hoạt động chủ yếu đang và  
sẽ được triển khai, cụ thể: Xây dựng các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn  
thi hành Luật (bao gồm cả sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản hiện hành), các  
hoạt động tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật (in ấn tài liệu phổ biến,  
đăng bài trên các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức hội thảo, tập huấn để  
phổ biến những nội dung mới của Luật, v.v.); triển khai thi hành Luật và theo  
dõi, sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình thực thi Luật theo thời gian định kỳ hoặc  
đột xuất; đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ thẩm phán, kiểm sát viên, v.v.  
Mặc dù chi phí cho các hoạt động trên tiếp tục dự kiến chi từ nguồn kinh  
phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước của cơ quan quản lý nhà nước  
tương ứng, cũng như huy động sự tham gia, đóng góp từ các đối tượng khác (các  
nhà tài trợ, các dự án hỗ trợ kỹ thuật từ các tổ chức quốc tế, v.v.), tuy nhiên, việc  
sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Luật cũng gia tăng thêm một số nhiệm vụ  
mới cho các cơ quan chuyên môn (thẩm định nhãn hiệu âm thanh; công khai đơn  
sau khi tiếp nhận; phối hợp xử lý các hành vi xâm phạm QTG, QLQ trên môi  
trường số v.v.), vì vậy cần thiết bố trí nguồn kinh phí hợp lý, tập trung nguồn lực  
(nhân lực, cơ sở vật chất...), đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công  
tác quản lý và thực thi pháp luật.

**VI. DỰ BÁO TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH CỦA LUẬT ĐẾN NGƯỜI DÂN VÀ XÃ HỘI**

**1. Chính sách về bảo đảm quy định rõ về tác giả, chủ sở hữu QTG,  
người biểu diễn, chủ sở hữu QLQ trong các trường hợp chuyển nhượng,  
chuyển giao QTG, QLQ**

- Đối với cơ quan quản lý nhà nước: Bảo đảm cơ sở pháp lý phù hợp với  
các quy định pháp lý hiện hành và các cam kết quốc tế, góp phần thực hiện mục  
tiêu phục vụ nhân dân. Tăng hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý và thực thi  
về QTG, QLQ. Các cơ quan vẫn thực hiện việc quản lý và thực thi theo chức  
năng, nhiệm vụ.

- Đối với tổ chức, cá nhân: Các nhà sáng tạo, nhà đầu tư, nhà sản xuất bản  
ghi âm, ghi hình, người biểu diễn được bảo vệ hiệu quả hơn, minh bạch, công  
khai, bình đẳng và chính xác; củng cố niềm tin của xã hội vào tính nghiêm minh  
của pháp luật, vào môi trường đầu tư, kinh doanh; tăng hiệu quả vận hành của  
thị trường văn hoá. Tổ chức, doanh nghiệp có cơ sở pháp lý để thỏa thuận, ký  
kết với tác giả, chủ sở hữu QTG, chủ sở hữu QLQ khi khai thác, sử dụng tác  
phẩm. Người dân thu được lợi ích từ việc tiếp cận và thụ hưởng các sản phẩm,  
dịch vụ văn hoá có giá trị nghệ thuật, tư tưởng.

**2. Chính sách về khuyến khích tạo ra, khai thác và phổ biến sáng chế,  
kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng tạo ra từ ngân sách  
Nhà nước**

- Đối với tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN từ ngân sách nhà nước: Việc  
được trao quyền tương đương với quyền của chủ sở hữu một cách tự động và  
không bồi hoàn, bao gồm quyền sử dụng và cho phép sử dụng, quyền ngăn cấm  
người khác sử dụng và quyền chuyển nhượng quyền sở hữu (có điều kiện), tổ  
chức chủ trì sẽ có thể chủ động và có động lực trong việc khai thác thương mại  
các sáng chế do Nhà nước đầu tư.

- Đối với người dân: Thêm cơ hội thụ hưởng thành quả công nghệ là kết  
quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN do Nhà nước đầu tư.

**3. Chính sách về tạo thuận lợi cho quá trình thực hiện thủ tục đăng ký QTG, QLQ, thủ tục xác lập quyền SHCN**

- Lĩnh vực QTG, QLQ:

+ Đối với cơ quan quản lý nhà nước: Bảo đảm cơ sở pháp lý phù hợp với  
các quy định pháp lý hiện hành và các cam kết quốc tế, góp phần thực hiện mục  
tiêu phục vụ nhân dân, hướng đến cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính.  
Đòi hỏi sự đầu tư về cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân lực, ứng dụng công nghệ  
thông tin trong quản lý, thực thi hoạt động đăng ký QTG, QLQ để thực hiện  
mục tiêu trên, đặc biệt là đối với hoạt động xem xét, giải quyết hồ sơ trực tuyến.

+ Đối với tổ chức, cá nhân: Được tạo điều kiện thuận lợi hơn khi thực hiện thủ tục đăng ký QTG, QLQ như quy định về nộp hồ sơ trực tuyến, quy định rõ ràng, cụ thể hơn về thành phần hồ sơ, trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng  
văn bản và nêu rõ lý do.

+ Người dân: Dễ dàng tiếp cận được các thông tin về tác giả, tác phẩm, chủ sở hữu đăng ký QTG, QLQ đã đăng ký.

- Lĩnh vực SHCN:

+ Giảm chi phí/thời gian cho người nộp đơn đăng ký kiểu dáng công  
nghiệp trong việc chuẩn bị hồ sơ tài liệu nộp đơn;

+ Đối với quy định cho phép trì hoãn công bố đơn kiểu dáng công nghiệp:  
Mặtt tích cực là quy định này mang lại khả năng thu lợi nhuận nhiều hơn do tính  
cạnh tranh của sản phẩm kiểu dáng công nghiệp cao hơn do giữ được bí mật về  
kiểu dáng trước khi đưa sản phẩm ra thị trường; mặt tiêu cực là tổ chức, cá nhân  
do không được tiếp cận thiết kế kiểu dáng công nghiệp mới của sản phẩm, dẫn  
tới có thể lãng phí do tạo các sản phẩm trùng lặp với kiểu dáng công nghiệp  
được yêu cầu bảo hộ;

+ Văn bằng bảo hộ có thể được cấp sớm hơn do rút ngắn thời gian nhận và xử lý ý kiến người thứ ba phù hợp với quy trình thẩm định của từng đối tượng SHCN;

**4. Chính sách về bảo đảm mức độ thỏa đáng và cân bằng trong bảo hộ quyền SHTT**

- Lĩnh vực QTG, QLQ:

+ Đối với cơ quan quản lý nhà nước: Bảo đảm cơ sở pháp lý phù hợp với  
các quy định pháp lý hiện hành và các cam kết quốc tế, góp phần thực hiện mục  
tiêu phục vụ nhân dân. Tăng hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý và thực thi  
về QTG, QLQ.

+ Đối với tổ chức, cá nhân: Bảo vệ có hiệu quả các quyền và lợi ích hợp  
pháp của các đối tượng khác nhau trong xã hội: Các nhà sáng tạo, nhà đầu tư,  
nhà sản xuất, người biểu diễn được bảo vệ quyền ở mức độ thỏa đáng và cân  
bằng; Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp khai thác, sử dụng QTG, QLQ được tạo  
điều kiện thuận lợi để thực hiện quy định pháp luật về QTG, QLQ; Người dân  
được bảo đảm quyền tiếp cận và thụ hưởng các sản phẩm, dịch vụ văn hoá có  
giá trị nghệ thuật, tư tưởng; củng cố niềm tin của xã hội vào tính nghiêm minh  
của pháp luật, vào môi trường đầu tư, kinh doanh; tăng hiệu quả vận hành của  
thị trường văn hoá.

- Lĩnh vực sở hữu công nghiệp:

Thụ hưởng cơ chế bảo hộ minh bạch hơn, công bằng hơn giữa quyền của  
chủ thể quyền và quyền của công chúng.

Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh có thể tự do tiếp cận công nghệ liên  
quan đến Bằng độc quyền sáng chế bị hủy bỏ, công chúng có cơ hội tiếp cận sản  
phẩm được sản xuất theo sáng chế với giá thành rẻ hơn vì không có độc quyền  
đối với việc sử dụng sáng chế trên thị trường.

Bảo đảm quyền của các cộng đồng nắm giữ tri thức truyền thống không bị  
đánh cắp.

Các doanh nghiệp sản xuất dược phẩm theo quyết định bắt buộc chuyển  
giao quyền sử dụng sáng chế ở chừng mực nào đó có thể mở rộng sản xuất và  
gia tăng lợi nhuận.

Tuy nhiên, do có thêm nhiều căn cứ hủy bỏ, các chủ Bằng độc quyền sáng  
chế và tổ chức, cá nhân yêu cầu huỷ bỏ Bằng độc quyền sáng chế có thể phát  
sinh thêm chi phí trong quá trình theo đuổi vụ việc huỷ bỏ hiệu lực Bằng độc  
quyền sáng chế (chi phí thuê luật sư tư vấn, chi phí trưng cầu giám định, ý kiến  
chuyên gia...).

**5. Chính sách về tăng cường hiệu quả hoạt động hỗ trợ về SHTT**

- Lĩnh vực QTG, QLQ:

+ Đối với cơ quan quản lý nhà nước: Bảo đảm cơ sở pháp lý phù hợp với  
các quy định pháp lý hiện hành và các cam kết quốc tế, góp phần thực hiện mục  
tiêu phục vụ nhân dân. Tăng cường công tác quản lý, giám sát của cơ quan nhà  
nước, hướng tới minh bạch, hiệu quả trong hoạt động đại diện tập thể QTG,  
QLQ.

+ Đối với tổ chức, cá nhân: Có quyền lựa chọn và giám sát khi ủy thác  
QTG, QLQ cho các tổ chức đại diện tập thể QTG, QLQ, hướng tới minh bạch,  
hiệu quả trong hoạt động đại diện tập thể QTG, QLQ. Đối với tổ chức, doanh  
nghiệp: Thuận lợi khi thực hiện thỏa thuận với tổ chức đại diện tập thể QTG,  
QLQ. Đối với người dân: Được hưởng lợi từ việc ủy quyền, khai thác, sử dụng  
tài sản QTG, QLQ.

+ Lĩnh vực sở hữu công nghiệp:

- Đối với các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ đại diện SHCN/giám định  
SHTT: Không phát sinh thêm chi phí, thêm vào đó có nhiều lựa chọn về nơi  
cung cấp dịch vụ vì số lượng các tổ chức dịch vụ đại diện sáng chế và nhãn hiệu  
có thể sẽ tăng thêm nhiều hơn khi lượng cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề  
gia tăng, từ đó tổ chức, cá nhân sử dụng các dịch vụ này có thể được hưởng mức  
phí dịch vụ rẻ hơn do gia tăng tính cạnh tranh trong lĩnh vực này.

- Đối với tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ đại diện SHCN/giám định  
SHTT: Phân định rõ ràng phạm vi hoạt động của tổ chức dịch vụ đại diện  
SHCN; số lượng tổ chức, cá nhân được phép hành nghề sẽ gia tăng, nhất là điều  
kiện cấp thẻ cho các luật sư được phép hành nghề theo Luật Luật sư đã được  
giảm nhẹ.

**6. Chính sách về nâng cao hiệu quả của hoạt động bảo vệ quyền SHTT**

- Đối với cơ quan quản lý nhà nước: Giải quyết các bất cập trong thực tiễn bảo vệ QTG, QLQ. Bảo đảm cơ sở pháp lý phù hợp, hiệu quả cho công tác quản lý và thực thi QTG, QLQ, đặc biệt trên môi trường mạng. Tăng cường phối hợp, thông tin giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Đối với tổ chức, cá nhân: Quyền SHTT được bảo hộ đầy đủ và hiệu quả, kể cả trên môi trường thực và mô trường kỹ thuật số; Xác định rõ ràng, cụ thể hơn các hành vi xâm phạm QTG, QLQ, được lựa chọn áp dụng các biện pháp để bảo vệ hiệu quả hơn quyền của mình, chủ động và kịp thời hơn trong việc phát hiện, yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền liên quan đến các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian.

**7. Chính sách về bảo đảm thi hành đầy đủ và nghiêm túc các cam kết  
quốc tế của Việt Nam về bảo hộ SHTT trong quá trình hội nhập**

- Đối với cơ quan quản lý nhà nước: Bảo đảm thi hành được cam kết quốc  
tế, áp dụng được các thông lệ tốt của quốc tế.

- Đối với tổ chức, cá nhân: QTG, QLQ, quyền thụ hưởng và tiếp cận các  
giá trị văn hóa của tổ chức, cá nhân được bảo vệ tốt hơn, tương thích và đáp ứng  
nhu cầu hội nhập quốc tế.

- Đối với các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu sáng chế: Được đền bù thỏa  
đáng cho việc chậm trễ cấp lưu hành tại cơ quan quản lý dược, bảo đảm hơn lợi  
ích của họ trong việc khai thác sáng.

- Đối với tổ chức, cá nhân có nhu cầu bảo hộ SHTT: Nhu cầu bảo hộ và  
thực thi quyền được đáp ứng. Tuy nhiên, việc chủ động áp dụng biện pháp dừng  
thông quan hàng hóa xuất khẩu nghi ngờ xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu,  
chỉ dẫn địa lý và sao chép lậu cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động của một số  
doanh nghiệp sản xuất hàng hóa xuất khẩu, đặc biệt sản xuất theo đơn đặt hàng  
mà không chú ý đến vấn đề quyền SHTT.

- Việc bỏ quy định ghi nhận tổ chức, cá nhân sử dụng chỉ dẫn địa lý trong  
văn bằng bảo hộ giải quyết được bất cập trong thực tiễn, thuận lợi cho tổ chức  
quản lý chủ động quyền trong cấp phép sử dụng chỉ dẫn địa lý.

- Đối với công chúng: Có khả năng phải trả giá cao hơn cho các sản phẩm  
nông nghiệp đưa ra thị trường do giá vật tư nông nghiệp có thể tăng do tác động  
của việc bảo hộ dữ liệu thử nghiệm với mức độ rộng hơn và thời hạn dài hơn.

**V. TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG THI HÀNH LUẬT (BAN HÀNH VĂN BẢN HƯỚNG DẪN; TỔ CHỨC QUÁN TRIỆT, PHỔ BIẾN CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NHÂN DÂN)**

**1. Công tác ban hành văn bản hướng dẫn**

Để triển khai, xây dựng các văn bản quy định chi tiết hoặc hướng dẫn thi  
hành Luật Sở hữu trí tuệ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết  
được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 3 (ban hành kèm theo Quyết  
định số 917/QĐ-TTg ngày 01/8/2022). Hiện nay, Bộ KH&CN, Bộ Văn hóa, Thể  
thao và Du lịch, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp cùng các bộ,  
ngành liên quan đang khẩn trương xây dựng để kịp thời ban hành cùng thời  
điểm có hiệu lực của Luật SHTT theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản  
quy phạm pháp luật. Cụ thể như sau:

***a) Lĩnh vực QTG, QLQ***

- Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan (Nghị định số 22/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009 về QTG, QLQ);

- Thông tư quy định các biểu mẫu trong hoạt động đăng ký quyền tác giả,  
đăng ký quyền liên quan (Thông tư số 08/2016/TT-BVHTTDL ngày 02/7/2016  
của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định các biểu mẫu trong  
hoạt động đăng ký QTG, QLQ).

***b) Lĩnh vực quyền SHCN***

- Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật  
Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà  
nước về sở hữu trí tuệ (thay thế Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006  
của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở  
hữu trí tuệ về SHCN, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 122/2010/NĐ-CP  
ngày 31/12/2010 và Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính  
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ  
về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, được sửa  
đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 và Nghị định  
số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018;

- Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2007/TT  
BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ trưởng Bộ KH&CN hướng dẫn thi hành Nghị  
định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổi sung tại Thông tư số 13/2010/TTBKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TTBKHCN ngày 30/6/2016.

***c) Lĩnh vực giống cây trồng***

Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng (Nghị định số 88/2010/NĐ-CP ngày 16/8/2010  
của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở  
hữu trí tuệ và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về  
quyền đối với giống cây trồng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số  
98/2011/NĐ-CP ngày 26/10/2011).

**2. Công tác tổ chức quán triệt, phổ biến cho cán bộ, công chức, viên  
chức, Nhân dân**

Sau khi Luật được Quốc hội thông qua, các hoạt động tuyên truyền, phổ  
biến nội dung của Luật đã bắt đầu được Bộ KH&CN, Bộ Văn hóa, Thể thao và  
Du lịch, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp cùng các bộ, ngành  
liên quan khẩn trương xây dựng kế hoạch, theo đó từ nay đến hết năm 2023 sẽ  
tập trung vào các hoạt động cụ thể như sau: in ấn tài liệu phổ biến, đăng bài trên  
các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức hội thảo, tập huấn tại các tỉnh, địa  
phương để phổ biến những nội dung mới của Luật theo các chuyên đề, các hình  
thức phù hợp với từng nhóm đối tượng.